

NHẬT BẢN
Tiết 48, 49, 50 - Bài 23: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN,
DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI NHẬT BẢN (02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trình bày những đặc điểm nổi bật về vị trí địa lý của Nhật Bản.
- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế-xã hội.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

*** Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học Địa lí: xác định được vị trí, ảnh hưởng và giải thích được tác động của vị trí của các mảng kiến tạo ảnh hưởng đến tự nhiên của Nhật Bản.
- Tìm hiểu Địa lí: sử dụng các công cụ Địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học về Nhật Bản.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ học tập hàng ngày, rèn nề nếp học tập chủ động...học hỏi những đức tính tốt đẹp của người dân Nhật Bản.
- Trách nhiệm trong việc học tập, lập thân, lập nghiệp đóng góp cho tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bảng số liệu số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của Nhật Bản, cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Nhật Bản
- Bản đồ tự nhiên Tự nhiên Nhật Bản, Phân bố dân cư và một số đô thị ở Nhật Bản
- Các hình ảnh, video về Nhật Bản
- Phiếu học tập làm việc nhóm
- Bài trình chiếu

2. Học sinh

- Giấy note để làm việc cá nhân
- Bút màu để làm việc nhóm
- Sách giáo khoa và vở ghi
- Dụng cụ truy cập Internet,
- Cài đặt Google Earth trên thiết bị điện tử.....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5 phút)

- a) *Mục tiêu:* Tạo không khí sôi nổi, hứng thú vào tiết học mới, tìm hiểu ý nghĩa tên gọi của đất nước Nhật Bản

b) *Nội dung:* Cả lớp sử dụng thiết bị kết nối Internet (hoặc GV giao nhiệm vụ ở nhà trước) tìm hiểu về ý nghĩa tên gọi của đất nước Nhật Bản <https://fantasea.vn/y-nghia-cac-ten-goi-cua-dat-nuoc-nhat-ban/>

c) *Sản phẩm:* Phần trả lời của HS.

Ý nghĩa các tên gọi của đất nước Nhật Bản

1/ Xứ Phù Tang

Từ lâu, “xứ Phù Tang” mặc nhiên trở thành một từ người Việt dùng để chỉ Nhật Bản. Theo từ điển song ngữ Nhật – Việt do Onochi Seiji biên soạn và phát hành năm 1979, “Phù Tang” được giải thích với ba nghĩa: là cây mặt trời (thần thoại), phía đông và đất nước mặt trời mọc (Nhật Bản). Theo truyền thuyết cổ phương Đông, cây dâu rồng lòng gọi là Phù Tang hay Khổng Tang. Khi thần Mặt Trời cưỡi xe lửa du hành ngang qua bầu trời từ Đông sang Tây, ngài đã dừng lại dưới gốc cây phù tang. Trong văn học cổ, Phù Tang cũng được dùng chỉ nơi mặt trời mọc.

2/ Đất nước mặt trời mọc

Theo cách hiểu của nhiều người, Nhật Bản nằm ở cực đông châu Á nên sẽ là nơi đón bình minh đầu tiên của châu lục. Do đó, không khó hiểu khi “đất nước mặt trời mọc” là tên gọi khác phổ biến nhất của quốc gia này. Thực tế, chữ kanji trong quốc hiệu Nhật Bản nghĩa là “gốc của Mặt Trời”, và người dân quốc gia này từ lâu rất coi trọng hình tượng mặt trời. Theo tài liệu cổ Nihon Shoki, các Thiên hoàng Nhật Bản còn được coi là hậu duệ của nữ thần Mặt trời Amaterasu.

3/ Xứ sở hoa anh đào

Với người Nhật, hoa anh đào tượng trưng cho sắc đẹp, sự mong manh và trong trắng. Vốn là loại hoa “thoắt nở thoắt tàn”, hoa anh đào tượng trưng cho “con đường chết” của các võ sĩ đạo Nhật Bản – samurai sống và chết như hoa anh đào.

Dù không được chính thức công nhận là quốc hoa, hoa anh đào vẫn giữ một vị trí đặc biệt với người Nhật Bản. Hình ảnh hoa anh đào xuất hiện trong những bộ trang phục truyền thống, âm thực, các họa tiết trang trí, hay đồng xu 100 yen và tờ tiền giấy 1.000 yen. Cũng vì những lý do này, Nhật Bản còn được gọi là xứ sở hoa anh đào.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS sử dụng thiết bị kết nối Internet (hoặc GV giao nhiệm vụ ở nhà trước) tìm hiểu về ý nghĩa tên gọi của đất nước Nhật Bản
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân/ cặp đôi trong thời gian 2 phút
- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS xung phong trình bày.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp và dẫn dắt vào bài mới.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (70 phút)

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

a) *Mục tiêu:* Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lý đến phát triển kinh tế-xã hội Nhật Bản.

b) *Nội dung:* Hoạt động theo kỹ thuật Think – Pair – Share, cá nhân, khai thác bản đồ tự nhiên Nhật Bản và thông tin trong SGK.

c) *Sản phẩm:*

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

- Diện tích đất: khoảng 378,0 nghìn km²
- Nằm ở phía đông bắc của châu Á
- Là đất nước quần đảo gồm hàng nghìn đảo, trong đó bốn đảo lớn nhất là Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.
- Vĩ độ từ 20°B đến 45°B
- Kinh độ từ 123°Đ đến 154°Đ.
- Tiếp giáp

+ Phía đông và phía nam giáp Thái Bình Dương

+ Phía tây giáp biển Nhật Bản

+ Phía bắc giáp biển Ô-khốt.

* **Đánh giá**

- Nhật Bản nằm trong khu vực phát triển kinh tế năng động châu Á - Thái Bình Dương, thuận lợi cho giao thương quốc tế và phát triển kinh tế.
- Có nhiều điều kiện xây dựng các hải cảng, phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- Nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương nên chịu tác động của nhiều thiên tai, nhất là động đất và sóng thần, ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ **Nhiệm vụ 1:** Cá nhân – HS quan sát bản đồ tự nhiên Nhật Bản, đọc SGK và trả lời các nội dung sau (chỉ được trên bản đồ)

- *Diện tích đất:*

- *Nằm ở phía* *của*

- *Là đất nước* *gồm hàng nghìn đảo, trong đó* *đảo lớn nhất là*

.....

- *Vĩ độ từ* *đến*

- *Kinh độ từ* *đến*

- *Tiếp giáp*

+ *Phía đông và phía nam giáp*

+ *Phía tây giáp*

+ *Phía bắc giáp*

+ **Nhiệm vụ 2:** Kỹ thuật Think – Pair – Share: Đánh giá ảnh hưởng của vị trí địa lý đến phát triển kinh tế-xã hội Nhật Bản.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

+ **Nhiệm vụ 1:** HS làm việc cá nhân: quan sát bản đồ tự nhiên Nhật Bản, đọc SGK và trả lời trong giấy note/ giấy nháp trong thời gian 2 phút.

+ **Nhiệm vụ 2:** HS làm việc cá nhân Think: 1 phút – Chia sẻ với bạn Pair: 2 phút – Trình bày trước lớp Share: 2 phút.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ HS đổi giấy note cho bạn bên cạnh, GV gọi HS bất kỳ lên bảng chỉ trên bản đồ và đọc sản phẩm trong nhiệm vụ 1, cho thang điểm, HS dưới lớp quan sát, nhận xét, chấm điểm cho bạn (điểm tối đa là 5 điểm theo thang điểm dưới đây)

- Diện tích đất: khoảng 378,0 nghìn km² (0,5 điểm)
- Nằm ở phía đông bắc của châu Á (0,5 điểm)
- Là đất nước quần đảo (0,5 điểm) gồm hàng nghìn đảo, trong đó bốn đảo lớn nhất là Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu. (1 điểm)
- Vĩ độ từ 20°B đến 45°B (0,5 điểm)
- Kinh độ từ 123°Đ đến 154°Đ. (0,5 điểm)
- Tiếp giáp
 - + Phía đông và phía nam giáp Thái Bình Dương. (0,5 điểm)
 - + Phía tây giáp biển Nhật Bản. (0,5 điểm)
 - + Phía bắc giáp biển Ô-khốt. (0,5 điểm)

+ HS trình bày trước lớp theo nội dung của nhiệm vụ 2

- Kết luận, nhận định:

+ Gv kết hợp phiếu chấm nhiệm vụ 1 cho điểm các HS tích cực, xuất sắc trong hoạt động 1 (điểm tối đa của nhiệm vụ 2 là 5 điểm)

+ GV cho HS xem hình ảnh/ video về các thiên tai của Nhật Bản và giải thích lý do nằm ở vị trí giữa các mảng kiến tạo. <https://www.youtube.com/watch?v=hBN5bcChdhY>

<https://www.youtube.com/watch?v=LprJaznzKX4>

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

a) *Mục tiêu:* Trình bày những đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản. Phân tích được các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng đến phát triển kinh tế-xã hội Nhật Bản.

b) *Nội dung:* Hoạt động theo kỹ thuật nhóm mảnh ghép khai thác bản đồ tự nhiên Nhật Bản và thông tin trong SGK để trình bày và phân tích các ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản.

c) *Sản phẩm:*

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Địa hình và đất

- Nhiều đồi núi - chiếm khoảng 4/5 diện tích, phần lớn là núi trẻ, có độ cao trung bình từ 1 500 - 2 000 m, địa hình bị cắt xẻ phức tạp. giao thông khó khăn.
- Có rất nhiều núi lửa, chiếm khoảng 10% núi lửa đang hoạt động trên thế giới.
- Đất pốt đôn, đất nâu,... phát triển rừng và chăn nuôi.
- Đồng bằng nhỏ hẹp và phân bố ven biển diện tích đất canh tác ít.

2. Khí hậu

- Khí hậu ôn đới gió mùa; lượng mưa trên 1.000 mm/năm.
 - Khí hậu Nhật Bản phân hoá rõ rệt theo chiều bắc – nam, đông – tây và độ cao địa hình.
- Thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của người dân cơ cấu cây trồng, vật nuôi và mùa vụ đa dạng, tài nguyên du lịch phong phú.

3. Sông, hồ

- Mạng lưới sông ngòi khá dày, đa số các sông đều ngắn, dốc và có tốc độ chảy lớn. có giá trị về thủy điện nhưng hạn chế về mặt giao thông.
- Nhật Bản có nhiều hồ, nhiều hồ có cảnh quan đẹp có thể khai thác để phục vụ du lịch.

4. Sinh vật

- Sinh vật khá phong phú, có các kiểu rừng: rừng lá kim, rừng lá rộng, rừng nhiệt đới. là tài nguyên quan trọng, cơ sở để phát triển ngành lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ.

5. Khoáng sản

- Nghèo tài nguyên khoáng sản. phải nhập khẩu phần lớn khoáng sản để phục vụ cho các ngành công nghiệp.
- Nhật Bản có nhiều suối khoáng nóng tự nhiên để phát triển du lịch, nhất là du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh.

6. Biển

- Có đường bờ biển dài, vùng biển rộng, phần lớn biển không đóng băng, bờ biển bị chia cắt tạo thành nhiều vũng vịnh thuận lợi để xây dựng các cảng biển.
- Vùng biển có tính đa dạng sinh học cao do nằm ở nơi giao nhau của dòng biển nóng và dòng biển lạnh có nhiều ngư trường lớn, thuận lợi phát triển ngành khai thác thủy sản.

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản không thực sự thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyên giao nhiệm vụ:** HS tự thành lập 5/10 nhóm học tập – tương ứng hoạt động là 5 nhóm CHUYÊN GIA, GV phát PHT, các nhóm thảo luận hoàn thành nội dung theo phân công: Tìm hiểu về thành phần tự nhiên theo phân công gồm các nhiệm vụ: đặc điểm tự nhiên, xác định/ chỉ trên bản đồ các đối tượng liên quan, phân tích ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên đó đến kinh tế, xã hội của Nhật Bản.

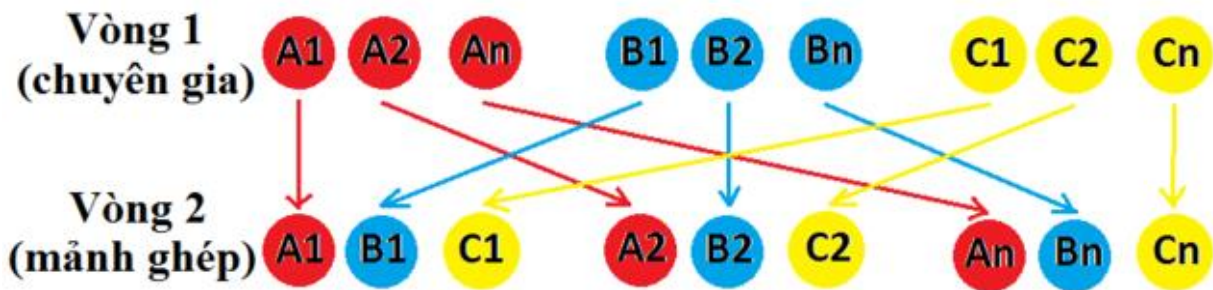
- Nhóm 1: Tìm hiểu về địa hình và đất
- Nhóm 2: Tìm hiểu về khí hậu
- Nhóm 3: Tìm hiểu về sông, hồ
- Nhóm 4: Tìm hiểu về sinh vật, khoáng sản

- Nhóm 5: Tìm hiểu về biên

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ **VÒNG CHUYÊN GIA:** Các nhóm thảo luận hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian 3 phút, mỗi chuyên gia ghi chú sản phẩm của nhóm mình vào giấy note/ giấy nháp của cá nhân.

+ **VÒNG MẢNH GHÉP:** thành viên các nhóm tự đánh số cho cá nhân từ 1 đến 5, nếu dư ra lại xoay vòng về số 1. Sau khi các nhóm hoàn thành đánh số, học sinh sẽ di chuyển, các cá nhân số 1 gom thành 1 cụm, số 2 gom thành 1 cụm,... hình thành 5 nhóm mới/ 1 cụm.



- Báo cáo, thảo luận:

+ Mỗi nhóm mới sẽ nhận 1 phiếu học tập, nhóm mới nghe THÀNH VIÊN ở vòng chuyên gia sẽ báo cáo, các thành viên mới ghi nhận, nhận xét, thắc mắc (nếu có)

+ Mỗi chuyên gia có 1 phút trình bày nội dung của cá nhân, chỉ trên bản đồ.

+ Cả nhóm mới sẽ hoàn thành phiếu học tập chung của cả nhóm trong thời gian 5 phút

PHIẾU HỌC TẬP NHÓM MẢNH GHÉP

1. Địa hình và đất

- Nhiều - chiếm khoảng 4/5 diện tích, phần lớn là, có độ cao trung bình từ 1 500 - 2 000 m, địa hình bịphức tạp. khó khăn.
- Có rất nhiều, chiếm khoảng 10% núi lửa đang hoạt động trên thế giới.
- Đất pốt đôn, đất nâu,... phát triểnvà
- Đồng bằng và phân bố ven biển diện tích đất canh tác

2. Khí hậu

- Khí hậu; lượng mưa trên 1.000 mm/năm.
- Khí hậu Nhật Bản theo chiều bắc – nam, đông – tây và độ cao địa hình.
- Thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của người dân cơ cấu cây trồng, vật nuôi và mùa vụ, tài nguyên du lịch

3. Sông, hồ

- Mạng lưới sông ngòi, đa số các sông đều,..... và có tốc độ chảy lớn. có giá trị về nhưng hạn chế về mặt
- Nhật Bản có nhiều hồ, nhiều hồ có cảnh quan đẹp có thể khai thác để phục vụ

4. Sinh vật: Sinh vật khá, có các kiểu rừng: là tài nguyên quan trọng, cơ sở để phát triển ngành.....và công nghiệp chế biến.....

5. Khoáng sản

- tài nguyên khoáng sản. phải phần lớn khoáng sản để phục vụ cho các ngành công nghiệp.
- Nhật Bản có nhiều tự nhiên để phát triển du lịch, nhất là du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh.

6. Biển

- Có đường, vùng biển rộng, phần lớn biển không đóng băng, bờ biển bị chia cắt tạo thành nhiều thuận lợi để xây dựng các
- Vùng biển có tính đa dạng sinh học cao do nằm ở nơi giao nhau của dòng biển nóng và dòng biển lạnh có nhiều lớn, thuận lợi phát triển ngành thủy sản.
- Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

+ GV gọi HS bất kỳ trình bày lần lượt từng đặc điểm, chỉ trên bản đồ.

- Kết luận, nhận định:

+ GV mở rộng về Nhật Bản, hỏi về món ăn truyền thống của Nhật Bản và yêu cầu HS giải thích nguyên nhân tại sao.

		
<p>Nhật Bản là đất nước có nhiều núi lửa đang hoạt động do nằm trong vành đai lửa Thái Bình Dương.</p>	<p>Nhật Bản có nhiều suối nước nóng rất thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. https://www.i-resort.vn/tim-hieu-van-hoa-tam-suoi-nuoc-nong-onsen-nhat-ban-55-26-2-article.html</p>	<p>Các món ăn truyền thống như Sashimi, Sushi... được chế biến từ cá do Nhật Bản có ngư trường lớn, rất phát triển ngành đánh bắt thủy sản.</p>

- + GV phát phiếu học tập cá nhân cho mỗi HS hoặc kẻ bảng để học sinh hoàn thành vào vở
- + GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

a) Mục tiêu:

- Nhận xét sự thay đổi về số dân, tỉ lệ gia tăng dân số và cơ cấu dân số theo nhóm tuổi, tuổi thọ trung bình và số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên của Nhật Bản năm 2000 và năm 2020, sự phân bố dân cư và các đô thị lớn của Nhật Bản.
- Trình bày những đặc điểm về dân cư Nhật Bản.
- Phân tích các đặc điểm dân cư có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế-xã hội của Nhật Bản.

b) Nội dung: Hoạt động cả lớp, cá nhân, khai thác bảng số liệu, bản đồ phân bố dân cư và đô thị Nhật Bản và thông tin trong SGK.

c) Sản phẩm:

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1. Dân cư

- Đông dân: 126,2 triệu người (năm 2020), đứng thứ 11 thế giới có một thị trường tiêu thụ nội địa mạnh
- Tỷ lệ tăng dân số Nhật Bản rất thấp, dưới 0% từ năm 2008 và năm 2020 là -0,3%.
- Thành phần dân tộc khá đồng nhất.
- Nhật Bản có số nam ít hơn số nữ, cơ cấu dân số già, tuổi thọ trung bình cao nhất thế giới.
 Thiếu hụt về lực lượng lao động trong tương lai, tạo ra sức ép lên hệ thống phúc lợi xã hội và giảm khả năng cạnh tranh kinh tế của Nhật Bản.
- Có mật độ dân số cao: 338 người/km² (năm 2020), phân bố không đều.
- Nhật Bản có tỷ lệ dân thành thị cao (91,8% năm 2020), Tô-ky-ô là vùng đô thị lớn nhất thế giới (năm 2020)
- Mức sống của người dân đô thị cao, cơ sở hạ tầng hiện đại, các đô thị đồng thời là các trung tâm kinh tế, văn hoá. Tuy nhiên, dân cư tập trung với mật độ cao ở các vùng đô thị cũng nảy sinh các vấn đề về nhà ở, việc làm,...

2. Xã hội

- Phong tục tập quán độc đáo và nền văn hoá đặc sắc, người Nhật trân trọng và bảo tồn các nét đẹp văn hoá truyền thống, các lễ hội góp phần phát triển ngành du lịch của Nhật Bản.
- Người dân Nhật Bản rất chăm chỉ, có tính kỉ luật và tinh thần trách nhiệm cao.
- Người dân Nhật Bản có chất lượng cuộc sống cao; chỉ số HDI của Nhật Bản thuộc nhóm rất cao, đạt 0,923 năm 2020.

d) Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

+ **Nhiệm vụ 1:** Cá nhân: Gv chia lớp thành 4 nhóm, HS trong mỗi nhóm làm việc cá nhân:

- ✓ Nhóm 1: nhận xét bảng Số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của Nhật Bản, giai đoạn 2000 – 2020.

Số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của Nhật Bản, giai đoạn 2000 - 2020

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Số dân (triệu người)	126,9	127,7	128,0	127,0	126,2
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	0,18	0,13	0,03	-0,09	-0,30

(Nguồn: Niên giám thống kê Nhật Bản, 2022 và prb.org, 2021)

- ✓ Nhóm 2: nhận xét bảng 23.1 phần cơ cấu dân số.
- ✓ Nhóm 3: xác định trên bản đồ dân cư và đô thị các đô thị lớn và khu vực có mật độ dân số cao.
- ✓ Nhóm 4: nhận xét bảng 23.2

+ **Nhiệm vụ 2:** Cả lớp: Trình bày những đặc điểm về dân cư Nhật Bản, cho biết đặc điểm dân cư có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế-xã hội của Nhật Bản.

+ **Nhiệm vụ 3:** Cá nhân: sưu tầm những nét đặc trưng về văn hóa Nhật Bản: tranh ảnh, video, câu chuyện...

- Thực hiện nhiệm vụ:

- + **Nhiệm vụ 1:** HS trong mỗi nhóm làm việc cá nhân – thời gian thực hiện 2 phút.
- + **Nhiệm vụ 2:** Cả lớp: HS liệt kê các đặc điểm về dân cư Nhật Bản theo kỹ thuật tia chớp trong thời gian 2 phút.
- + **Nhiệm vụ 3:** Cá nhân: HS sưu tầm ở nhà những nét đặc trưng về văn hóa Nhật Bản: tranh ảnh, video, câu chuyện....và sắp xếp trình bày trên lớp.

- Báo cáo, thảo luận:

+ **Nhiệm vụ 1:** Gv lần lượt gọi HS lên bảng, chỉ trên bảng số liệu đã phóng to phần nhận xét và kết luận của bản thân, cả lớp bổ sung, GV so sánh với dân số của Việt Nam.

+ **Nhiệm vụ 2:** Cả lớp: HS liệt kê các đặc điểm về dân cư Nhật Bản theo kỹ thuật tia chớp trong thời gian 2 phút, GV viết nhanh các đặc điểm này trên bảng □ phân tích các đặc điểm dân cư đó có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế-xã hội của Nhật Bản. GV liên hệ vấn đề xuất khẩu lao động Việt Nam sang Nhật Bản.

+ **Nhiệm vụ 3:** Cá nhân: HS trình bày bộ sưu tập,

+ GV mở rộng về các gian hàng không người canh của Nhật, những người mua đến tự cân, trả tiền để làm nổi bật đức tính của người dân Nhật Bản.

- Kết luận, nhận định:

+ GV cho Hs xem hình ảnh và thông tin về những nét đặc sắc về văn hóa của Nhật Bản.



Bộ môn cắm hoa Ikebana	Nghệ thuật gấp giấy Origami.	Nhu đạo Judo - môn võ thuật của người Nhật Bản
------------------------	------------------------------	--

+ Gv nhận xét, chốt ý, cho điểm các HS hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ HS ghi bài.

Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú, xác định những nội dung HS chưa nắm vững và có hướng bổ sung.

b) **Nội dung:** HS chơi trò chơi Hỏi nhanh – đáp gọn

c) **Sản phẩm:**

CÂU HỎI

1. Nhật Bản nằm ở phía tây của Thái Bình Dương, ngoài khơi bờ biển phía đông của lục địa châu Á.
2. Địa hình của Nhật Bản có nhiều núi, ít đồng bằng.
3. Dân số của Nhật Bản trong những năm gần đây bị giảm.
4. Thủ đô của nó là Tokyo
5. Đơn vị tiền tệ (tiền): Yên
6. Các môn thể thao quốc gia của Nhật là đấu vật Karate, judo và sumo. (chỉ cần 1 môn)
7. Đông đất thường xuyên xảy ra ở Nhật Bản, vì vậy nhiều tòa nhà cao tầng được làm bằng thép vì nó bị uốn cong trong các trận động đất. Nhiều ngôi nhà nhỏ hơn được làm bằng bê tông nên không có nhiều mảnh vụn.
8. Người Nhật có phong tục cởi giày khi vào nhà.
9. Các lễ hội của Nhật Bản bao gồm Lễ hội hoa diên vĩ hoặc Ngày thiếu nhi được tổ chức vào ngày 5 tháng 5.
10. Vì nhiều núi nên có rất ít đất canh tác.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Hỏi nhanh – đáp gọn
- **Thực hiện nhiệm vụ:** GV trình chiếu các câu hỏi, HS trả lời nhanh hoặc điền từ còn thiếu vào chỗ trống.
- **Báo cáo, thảo luận:** Thảo luận những câu còn vướng mắc.
- **Kết luận, nhận định:** Tổng kết trò chơi, bài học

- Phương án 2:

- Gv cho Hs gọi tên/ trình bày sơ lược về các đặc trưng của Nhật bản với các hình ảnh cho sẵn.



- Phương án 3:

Cho Hs chơi trò chơi Online <https://wordwall.net/vi/resource/25144461>

Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)

a) Mục tiêu: Hướng dẫn HS tự học, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, rèn luyện năng lực tự chủ, tự học.

b) Nội dung: HS lập bảng thống kê kiến thức, sưu tầm và viết 1 đoạn văn ngắn về con người Nhật Bản (Link phân phụ lục)

c) Sản phẩm: bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm

+ **Nhiệm vụ 1:** Lựa chọn một điều kiện tự nhiên hoặc tài nguyên thiên nhiên và hoàn thành thông tin theo bảng sau:

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế-xã hội
?	?	?

+ **Nhiệm vụ 2:** Hãy sưu tầm thông tin và viết một đoạn văn ngắn tìm hiểu về đặc điểm nguồn lao động của Nhật Bản.

GV công bố tiêu chí đánh giá bài viết

STT	Tiêu chí	Điểm				
		1	2	3	4	5
1	Bố cục bài viết hợp lí: Mở bài, thân bài, kết bài.					
2	Nêu được ít nhất 3 đặc trưng cơ bản của người Nhật Bản, lấy được ví dụ minh họa.					
3	Phân tích được ảnh hưởng của các đặc điểm nguồn lao động của Nhật Bản đến kinh tế xã hội.					
4	Liên hệ được những bài học kinh nghiệm rút ra cho bản thân và hướng rèn luyện để hoàn thiện.					
5	Chữ viết rõ, dễ đọc, thể hiện tính thẩm mỹ cao. Hoặc đánh máy khung văn bản rõ ràng, ý gọn, nộp đúng thời hạn					

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà tìm hiểu.

- **Báo cáo, thảo luận:** Gv cho HS xung phong trình bày vào thời gian thích hợp.

- **Kết luận, nhận định:** Nhận xét, rút kinh nghiệm, cho điểm

IV. RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

V. PHỤ LỤC

1/ Câu hỏi và bài tập

Câu 1. Biểu hiện nào sau đây nói lên người Nhật ham học?

A. Có tinh thần trách nhiệm cao.

B. Tận dụng thời gian cho công việc.

C. Làm việc cần cù, tích cực.

D. Chú trọng đầu tư cho giáo dục.

Câu 2. Nhật Bản nằm ở vị trí nào sau đây?

A. Bắc Á.

B. Tây Á.

C. Đông Á.

D. Nam Á.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về đồng bằng của Nhật Bản?

A. Chủ yếu là châu thổ.

B. Diện tích nhỏ hẹp.

C. Có đất từ tro núi lửa.

D. Nằm ở chân núi.

Câu 4. Nhật Bản **không** phải là một đất nước

A. giàu có tài nguyên khoáng sản.

C. quần đảo, trải ra hình vòng cung.

B. có 4 đảo lớn từ bắc xuống nam.

D. có hàng ngàn đảo nhỏ gần bờ.

Câu 5. Nhật Bản **không** phải là nước có

A. đồng bằng ven biển nhỏ hẹp.

C. nhiều sông ngòi ngắn, dốc.

B. địa hình chủ yếu là đồi núi.

D. nhiều quặng đồng, than đá.

Câu 6. Đặc tính nào sau đây nổi bật đối với người dân Nhật Bản?

A. Tinh thần trách nhiệm tập thể cao.

C. Tuổi thọ dân cư ngày càng cao.

B. Tập trung nhiều vào các đô thị.

D. Người già ngày càng nhiều.

Câu 7. Khí hậu phía nam Nhật Bản phân biệt với phía bắc bởi

A. nhiệt độ thấp và ít mưa.

C. mùa hạ nóng, mưa to và bão.

B. có nhiều tuyết về mùa đông.

D. mùa đông kéo dài, lạnh.

Câu 8. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho phần lớn dân cư Nhật Bản tập trung ở các thành phố ven biển?

A. Địa hình bằng phẳng, khí hậu ôn hoà.

B. Đồng bằng rộng, đất đai màu mỡ.

C. Nguồn nước dồi dào, ít có thiên tai.

D. Đường bờ biển dài, nhiều vùng, vịnh;

Câu 9. Nơi dòng biển nóng và lạnh gặp nhau ở vùng biển Nhật Bản thường tạo nên

A. động đất thường xuyên.

C. bão lớn hàng năm.

B. ngư trường lớn.

D. sóng thần dữ dội.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây **không đúng** với thiên nhiên của Nhật Bản?

A. Có khí hậu nhiệt đới.

C. Sông ngòi ngắn, dốc.

B. Địa hình chủ yếu là núi.

D. Đồng bằng ven biển nhỏ.

Câu 11. Khó khăn chủ yếu nhất về tự nhiên đối với phát triển kinh tế của Nhật Bản là

A. khí hậu ôn đới gió mùa.

C. bờ biển dài, nhiều vùng vịnh.

B. Nhiều đảo cách xa nhau.

D. trữ lượng khoáng sản rất ít.

Câu 12. Đặc điểm nổi bật của dân cư Nhật Bản là:

A. dân số không đông.

C. tốc độ gia tăng cao.

B. tập trung ở miền núi.

D. cơ cấu dân số già.

Câu 13. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về dân cư Nhật Bản?

A. Tỷ lệ người già ngày càng lớn.

B. Tỷ suất gia tăng tự nhiên dân số cao.

C. Phần lớn dân ở các đô thị ven biển.

D. Nhật Bản là một nước đông dân.

Câu 14. Đảo có diện tích lớn nhất Nhật Bản là

A. Hôn-su.

B. Xi-cô-cu.

C. Kiu-xiu.

D. Hô-cai-đô.

Câu 15. Tỷ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn đã gây khó khăn chủ yếu nào sau đây đối với Nhật Bản?

A. Thu hẹp thị trường tiêu thụ, mở rộng dịch vụ an sinh.

B. Thu hẹp thị trường tiêu thụ, gia tăng sức ép việc làm.

C. Thiếu nguồn lao động, chi phí phúc lợi xã hội lớn.

D. Thiếu nguồn lao động, phân bố dân cư không hợp lý.

Câu 16. Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với biển Nhật Bản?

- A. Có trữ lượng dầu mỏ tương đối lớn.
- B. Đường bờ biển dài, vùng biển rộng.
- C. Có ngư trường lớn với nhiều loài cá.
- D. Ven biển có nhiều vùng, vịnh, đảo.

Câu 17. Đất nước Nhật Bản có

- A. ít vũng vịnh, nhiều dòng biển nóng.
- C. nhiều dòng biển nóng, nhiều đảo.

- B. vùng biển rộng, đường bờ biển dài.
- D. đường bờ biển dài, có ít vùng vịnh.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây **không đúng** với khí hậu của Nhật Bản?

- A. Có sự khác nhau theo mùa.
- C. Thay đổi từ bắc xuống nam.

- B. Lượng mưa tương đối cao.
- D. Chủ yếu là khí hậu nhiệt đới.

Câu 19. Đảo nằm ở phía bắc của Nhật Bản là

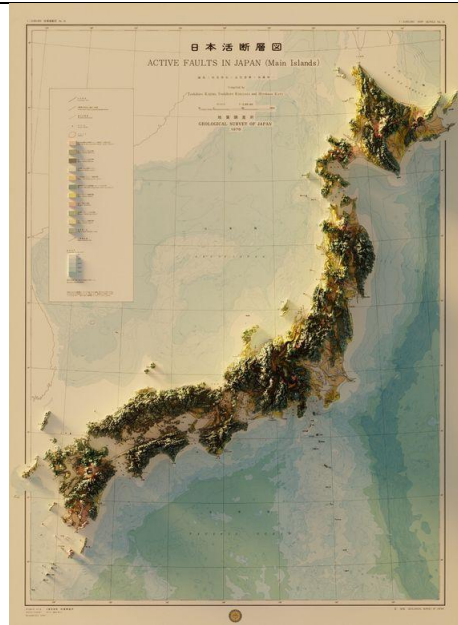
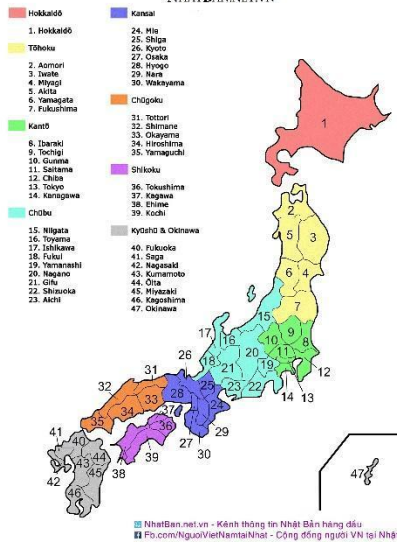
- A. Xi-cô-cư.
- B. Hô-cai-đô.
- C. Kiu-xiu.
- D. Hôn-su.

Câu 20. Khó khăn chủ yếu nhất của dân cư Nhật Bản đối với phát triển kinh tế **không** phải là

- A. phần lớn dân cư phân bố ven biển
- B. cơ cấu dân số già, trên 65 tuổi nhiều.
- C. tỷ suất tăng dân số tự nhiên âm.
- D. tốc độ tăng dân số thấp và giảm dần.

2/ Hệ thống tranh ảnh

VÙNG VÀ TỈNH NHẬT BẢN



JAPANESE CULTURE

INFORMATIVE ELEMENTS

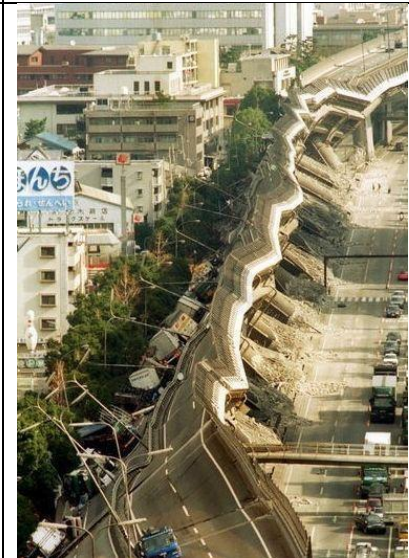
- JAPANESE FOOD:** Sushi, ramen, tempura, etc.
- TRADITIONAL CLOTHES:** Kimono, Yukata, etc.
- JAPANESE ARCHITECTURE:** Temples, shrines, etc.
- JAPANESE CULTURE:** Tea ceremony, etc.
- TOURISM IN JAPAN:** 42% (Foreigners), 37% (Domestic), 21% (Overseas).



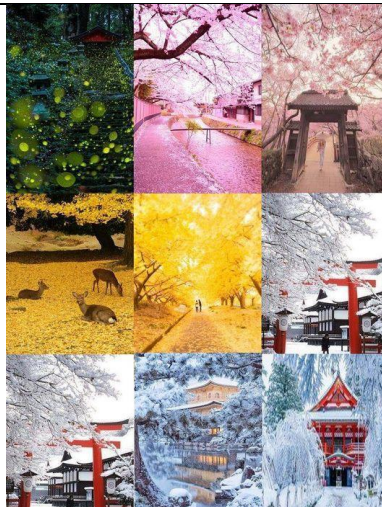
Tokyo, Nhật Bản



Núi Phú Sĩ



Động đất ngày 11/3/2011



<p>Hẻm núi Takachiho được hình thành từ dung nham của núi lửa Aso - là ngọn núi lửa hoạt động lớn nhất Nhật Bản và là một trong những núi lửa lớn nhất Thế giới). Theo thời gian bị xói mòn bởi sông mà tạo nên hẻm núi tuyệt đẹp được bao quanh bởi các vách đá bazan núi lửa như ngày nay.</p>	<p>“Nhị thập tứ khí quý tiết” là chỉ "mùa" chia một năm thành 24 phần, tức mỗi phần kéo dài khoảng 15 ngày để thấy được sự phân hóa thiên nhiên của Nhật Bản rất đa dạng theo thời gian □ thuận lợi phát triển du lịch.</p>	<p>Lễ hội búp bê - là ngày dành cho bé gái, tổ chức hằng năm vào ngày 3 tháng 3. Lễ hội trở thành một nét văn hóa đặc trưng độc đáo trong đời sống người Nhật Bản. Còn Lễ hội Koinobori Matsuri (cá chép)– Lễ hội dành cho các bé trai</p>
--	---	--

3/ Các link video...

- https://www.youtube.com/watch?v=h0_q3d1OIqo
- <https://www.youtube.com/watch?v=7a-exVcgRS0>
- <https://www.youtube.com/watch?v=RsT6qLE0ozQ>
- <https://www.tsunagujapan.com/vi/10-popular-japanese-festivals/> 10 lễ hội (Matsuri) nổi tiếng nhất ở Nhật Bản
- <https://duhocvietnhat.edu.vn/con-nguoi-nhat-ban-nhu-the-nao/> con người Nhật Bản như thế nào? 10 nét tính cách đặc trưng của người Nhật
- <https://www.nhatbanaz.com/kham-pha-nhat-ban/le-hoi-koinobori-matsuri-le-hoi-danh-cho-cac-be-trai.html>
- https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%85_h%E1%BB%99i_b%C3%BAp_b%C3%AA_Nh%E1%BA%ADt_B%E1%BA%A3n

Tiết 53, 54 - Bài 24: KINH TẾ NHẬT BẢN

(02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Giải thích được tình hình phát triển kinh tế; trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế; so sánh được các vùng kinh tế theo những điểm nổi bật.
- Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Về năng lực

* **Năng lực chung:** Năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* **Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học Địa lí: giải thích được quy luật phân bố của các trung tâm kinh tế lớn của Nhật Bản phần lớn nằm ở ven Thái Bình Dương.
- Tìm hiểu Địa lí: sử dụng các công cụ Địa lí học và khai thác internet phục vụ môn học
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: liên hệ giải thích được nguyên nhân phát triển kinh tế của Nhật Bản có sự đóng góp to lớn của con người, sự hy sinh, tinh thần trách nhiệm với đất nước của người dân Nhật Bản.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ học tập, rèn nề nếp học tập chủ động, học tập qua trải nghiệm để hoàn thiện bản thân.
- Trách nhiệm việc xây dựng nội quy lớp học, hình thành tinh thần trách nhiệm với gia đình và tiến tới với xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ phân bố một số trung tâm công nghiệp và ngành công nghiệp, nông nghiệp của Nhật Bản.
- Bảng số liệu số, biểu đồ về kinh tế của Nhật Bản.
- Các hình ảnh, video về Nhật Bản
- Phiếu học tập làm việc nhóm
- Bài trình chiếu

2. Học sinh

- Giấy note để làm việc cá nhân
- Bút màu để làm việc nhóm
- Sách giáo khoa và vở ghi
- Dụng cụ truy cập Internet, quét mã QR

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (10 phút)

a) *Mục tiêu:* Kiểm tra phần bài làm của HS, dẫn nhập vào bài mới.

b) *Nội dung:* GV cho HS xung phong trình bày bài viết về đặc điểm nguồn lao động của Nhật Bản.

c) *Sản phẩm:* Bài viết của HS.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho HS xung phong trình bày bài viết về đặc điểm nguồn lao động của Nhật Bản.

+ GV nhắc lại/ hoặc hỏi HS về nguyên nhân Nhật Bản đầu hàng sau thế chiến thứ 2 và tình cảnh Nhật Bản vào thời điểm đó.

+ Cho HS xem video “Hành trình lột xác thoát nghèo của Nhật Bản sau Thế chiến thứ Hai”

<https://coccoc.com/search?query=kinh+t%E1%BA%BF+c%E1%BB%A7a+nh%E1%BA%ADt+b%E1%BA%A3n+sau+th%E1%BA%BF+chi%E1%BA%BFn&tbm=vid>

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trình bày.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS thảo luận vấn đề đặt ra theo hướng dẫn của GV.

- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp và dẫn dắt vào bài mới.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (110 phút)

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

a) *Mục tiêu:*

- Nhận xét về quy mô, tốc độ tăng và cơ cấu GDP của Nhật Bản, giai đoạn 2000 - 2020.

- Trình bày tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản.

- Giải thích nguyên nhân phát triển kinh tế của Nhật Bản.

b) *Nội dung:* Hoạt động cả lớp, nhận xét bảng 24.1. quy mô GDP theo giá hiện hành và tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1961 - 2020; Kỹ thuật tia chớp để xác định các nguyên nhân phát triển kinh tế của Nhật Bản.

c) *Sản phẩm:*

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ
<ul style="list-style-type: none">- Quá trình phát triển kinh tế Nhật Bản trải qua nhiều giai đoạn:<ul style="list-style-type: none">+ Giai đoạn 1955 - 1972: Công cuộc tái thiết và phát triển kinh tế của chính phủ Nhật Bản diễn ra thành công. Nhật Bản có tốc độ tăng GDP cao, bình quân khoảng 10%/ năm, trở thành một nước phát triển. Từ năm 1968, kinh tế Nhật Bản vươn lên đứng thứ hai thế giới, sau Hoa Kỳ.+ Giai đoạn 1973 - 1992: Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng năng lượng những năm 70 và “thời kỳ bong bóng kinh tế” năm 1991 đã dẫn đến kinh tế trì trệ kéo dài.+ Giai đoạn 1992 đến nay: Sau giai đoạn tăng trưởng kinh tế cao từ năm 2002 đến năm 2006, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu vào những năm 2007 - 2008 cùng với thiên tai, dịch bệnh khiến tốc độ tăng GDP của Nhật Bản xuống thấp. Năm 2020, Nhật Bản đứng thứ ba thế giới về quy mô GDP sau Hoa Kỳ và Trung Quốc, là thành viên của G7 và G20.<ul style="list-style-type: none">- Trong cơ cấu GDP của Nhật Bản, dịch vụ là ngành có tỉ trọng cao nhất (gần 70%), nông nghiệp có tỉ trọng nhỏ nhất (khoảng 1%). Nền kinh tế Nhật Bản phát triển ở trình độ cao, các ngành kinh tế ứng dụng nhiều thành tựu của khoa học - công nghệ.- Kinh tế Nhật Bản đang đối mặt với nhiều thách thức như: dân số già, mức nợ công cao, phụ thuộc vào nguồn nguyên nhiên liệu từ bên ngoài, sự cạnh tranh gay gắt của các nước, thiên tai,... Để nâng cao vị thế trong nền kinh tế thế giới, Nhật Bản đang tập trung phát triển kinh tế số (rô-bốt, trí tuệ nhân tạo, công nghệ thực tế - ảo,...).

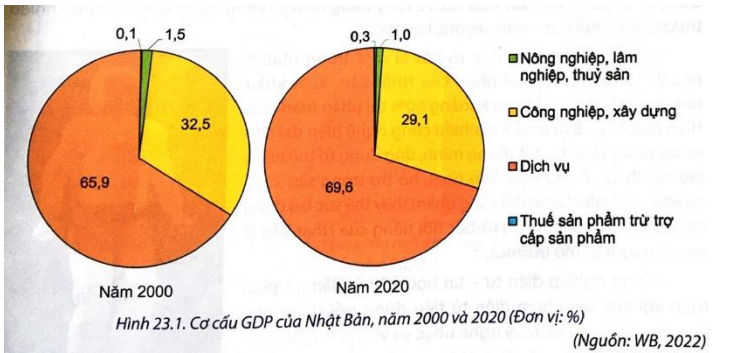
d) *Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ **Nhiệm vụ 1:** cả lớp – HS nhận xét Hình 23.1. Cơ cấu GDP của Nhật Bản, năm 2000 và 2020 (Đơn vị: %) (SGK Địa lí 11 – CTST), bảng 24.1. quy mô GDP theo giá hiện hành và

tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1961 - 2020 và thông tin SGK để rút ra được các đặc điểm kinh tế của Nhật Bản gồm:

1. Tóm tắt các giai đoạn phát triển kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ 2.
2. Quy mô kinh tế năm 2020; vị thứ so với thế giới; chiếm bao nhiêu %
3. Quy mô và tốc độ tăng GDP của Nhật Bản đoạn 1961– 2020
4. Cơ cấu GDP của Nhật Bản năm 2000 và 2020.



+ **Nhiệm vụ 1:** HS thực hiện kỹ thuật tia chớp để xác định các nguyên nhân phát triển kinh tế của Nhật Bản.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

+ **Nhiệm vụ 1:** HS làm việc cả lớp theo tiến trình các bảng số liệu và biểu đồ giáo viên trình chiếu.

+ **Nhiệm vụ 2:** HS thực hiện kỹ thuật tia chớp.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ HS trình bày, nhận xét bảng số liệu, biểu đồ.

+ HS trình bày nguyên nhân phát triển kinh tế thần kỳ của Nhật Bản giai đoạn sau chiến tranh thế giới thứ 2 và các giai đoạn sau này.

+ Gv cho HS so sánh và rút ra bài học với Việt Nam

- **Kết luận, nhận định:**

+ Gv chuẩn kiến thức.

+ HS ghi bài.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về CÁC NGÀNH KINH TẾ

a) **Mục tiêu:**

- Trình bày tình hình phát triển các ngành kinh tế của Nhật Bản.

- Nhận xét sự phân bố của các trung tâm công nghiệp và một số ngành công nghiệp (điện tử - tin học, sản xuất ô tô, hóa chất, hóa dầu, đóng tàu,...), đặc điểm phân bố ngành nông nghiệp của Nhật Bản.

b) **Nội dung:** Hoạt động theo kỹ thuật góc – trạm để tìm hiểu về các ngành kinh tế của Nhật Bản.

c) **Sản phẩm:**

II. CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: chiếm tỉ lệ nhỏ (chỉ khoảng 1%) trong cơ cấu GDP và thu hút khoảng 3% lực lượng lao động (năm 2020).

a/ Nông nghiệp

- Sản xuất theo hướng thâm canh với quy mô nhỏ, áp dụng công nghệ tiên tiến, cho năng suất cao với chất lượng hàng đầu thế giới.
- Trồng trọt có vị trí quan trọng, chiếm hơn 60% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp (năm 2020). Trình độ cơ giới hoá nông nghiệp rất cao. Các sản phẩm chính gồm: lúa gạo, lúa mì, rau, cây ăn quả....
- Chăn nuôi tương đối phát triển, tỷ trọng có xu hướng tăng. Các vật nuôi chính là bò, lợn, gia cầm.

b/ Lâm nghiệp: được chú trọng phát triển, rừng có vai trò quan trọng đối với việc chống xói mòn đất và bảo vệ môi trường. Rừng trồng chiếm khoảng 40% tổng diện tích rừng. Nhật Bản vẫn phải nhập gỗ nguyên liệu và nhiều sản phẩm từ gỗ.

c/ Thủy sản

- Khai thác thủy sản có lịch sử phát triển lâu đời ở Nhật Bản. Ngành khai thác thủy sản đã đạt đến mức công nghiệp hoá và được phát triển ở hầu khắp đất nước.
- Sản lượng thủy sản khai thác năm 2020 là 3,2 triệu tấn (đứng thứ tám thế giới).
- Đội tàu khai thác thủy sản của Nhật Bản lớn hàng đầu thế giới (năm 2020).
- Nuôi trồng thủy sản được chú trọng phát triển. Các loài thủy sản được nuôi trồng chủ yếu là tôm, rong biển, trai lấy ngọc, hào,...

2/ Công nghiệp

- Đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Nhật Bản, chiếm khoảng 29% GDP và thu hút khoảng 27% lao động (năm 2020), tạo ra khối lượng hàng hoá xuất khẩu lớn nhất cho đất nước.
- Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng, có nhiều ngành đứng đầu thế giới về kỹ thuật, công nghệ tiên tiến như công nghiệp chế tạo, công nghiệp điện tử - tin học,...
- Các trung tâm công nghiệp lớn nhất của Nhật Bản nằm dọc bờ biển hoặc gần các vịnh lớn.
- Công nghiệp chế tạo phát triển mạnh và chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản. Các sản phẩm nổi bật là tàu biển, ô tô...
- Công nghiệp điện tử - tin học đứng hàng đầu thế giới với các sản phẩm điện tử tiêu dùng, máy tính, ti vi, chất bán dẫn, rô-bốt ...
- Hiện nay, Nhật Bản đang đầu tư mạnh vào các ngành năng lượng hạt nhân, năng lượng tái tạo; công nghiệp hàng không - vũ trụ; công nghệ sinh học và dược phẩm,...

3. Dịch vụ: đóng góp phần lớn vào GDP (khoảng 69,5%) và thu hút 72,9% lực lượng lao động của Nhật Bản (năm 2020).

a/ Thương mại

- Nội thương đóng góp khoảng 13 - 14% GDP (giai đoạn 2010 - 2020).
- Ngoại thương: Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ đạt hơn 1.500 tỷ USD. So với các quốc gia phát triển khác, Nhật Bản có mức xuất khẩu khá thấp so với quy mô GDP. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Nhật Bản là phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị điện tử, thiết bị y tế, hoá chất, nhựa,... Các mặt hàng nhập khẩu chính là năng lượng, nguyên liệu công nghiệp, sản phẩm nông nghiệp,... Các đối tác thương

mại chính của Nhật Bản là Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, các nước Đông Nam Á, Ô-xtrây-li-a,...

b/ Giao thông vận tải

- Hệ thống giao thông vận tải của Nhật Bản đồng bộ và hiện đại, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và giao thương quốc tế.
- Giao thông đường sắt được chú trọng phát triển, đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển hành khách và hàng hoá, đặc biệt là hệ thống tàu cao tốc Sin-can-xen kết nối các thành phố lớn.
- Giao thông vận tải đường bộ với chiều dài mạng lưới hơn 1,2 triệu km, chiếm hơn 90% khối lượng vận tải hàng hóa trong nước (năm 2020).
- Đường hàng không, đường biển của Nhật Bản đều phát triển mạnh để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hoá.

c/ Tài chính ngân hàng: Nhật Bản là một trong những trung tâm tài chính quan trọng của thế giới. Tô-ky-ô là trung tâm tài chính lớn nhất của đất nước.

d/ Du lịch

- Hoạt động du lịch phát triển mạnh, đóng góp khoảng 7% vào GDP (năm 2019).
- Năm 2019, Nhật Bản thu hút được 31,8 triệu khách du lịch quốc tế (đứng thứ 12 thế giới), doanh thu từ khách du lịch quốc tế đạt 46,1 tỷ USD (đứng thứ 7 thế giới).
- Du lịch nội địa đóng vai trò quan trọng.

d) Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

+ **Nhiệm vụ 1:** GV thiết kế các bộ phiếu học tập, chia HS thành các nhóm nhỏ từ 3-5 và phát PHT cho các em làm việc theo kỹ thuật góc – trạm. Mỗi trạm HS làm việc trong 5 phút.

TRẠM 1 – NÔNG NGHIỆP

TRẠM 2 – CÔNG NGHIỆP

TRẠM 3 – DỊCH VỤ

(Lưu ý: Tùy điều kiện của HS, GV có thể cho HS hoạt động nhóm, cả lớp theo tiến trình hoặc phiếu học tập đều được)

+ **Nhiệm vụ 2:** Hoạt động cả lớp, nhận xét các bảng số liệu 24.2, 24.3

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ **Nhiệm vụ 1:** Các nhóm thảo luận hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian 5 phút/ trạm, hoàn thành bộ PHT của các ngành kinh tế.

+ **Nhiệm vụ 2:** GV gọi HS bất kỳ lên bảng nhận xét các bảng số liệu 24.2, 24.3

- Báo cáo, thảo luận:

+ Hết thời gian làm bài 15 phút, các nhóm đổi PHT để chấm chéo.

+ Gv gọi HS bất kỳ chỉ trên bản đồ và trình bày nội dung.

+ GV cho HS thảo luận để làm rõ các vấn đề:

1. Nhật Bản đã khắc phục vấn đề thiếu tài nguyên khoáng sản và nguồn nhân lực bằng các biện pháp nào?
2. Tại sao ngành nông nghiệp chiếm tỉ trọng rất nhỏ trong cơ cấu GDP?
3. Lý do tại sao Nhật Bản lại phát triển mạnh ngành thủy sản, đặc biệt là nuôi trồng.
4. Đường biển có vai trò gì đối với kinh tế Nhật Bản?

- Kết luận, nhận định:

+ Học sinh hoàn thành nội dung bài học vào vở

+ Cho Hs xem hình ảnh/ video liên quan

+ GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về CÁC VÙNG KINH TẾ

a) *Mục tiêu:* Trình bày những đặc điểm nổi bật của các vùng kinh tế ở Nhật Bản.

b) *Nội dung:* Hoạt động cá nhân/ cụm học tập.

c) *Sản phẩm:*

III. CÁC VÙNG KINH TẾ	
Vùng kinh tế/đảo	Đặc điểm nổi bật
Hốc-cai-đô	<ul style="list-style-type: none">- Diện tích: 83,4 nghìn km², đóng góp 3,4% GDP cả nước.- Rừng chiếm diện tích lớn, khoáng sản chủ yếu là than.- Giá trị ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản lớn nhất Nhật Bản, các sản phẩm nông nghiệp chính là lúa mì, khoai tây, rong biển, thịt bò,...- Phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm, chế biến gỗ, luyện kim đen, sản xuất giấy.- Du lịch phát triển mạnh.- Các trung tâm kinh tế quan trọng là Xao-pô-rô, Cu-si-rô.
Hôn-su	<ul style="list-style-type: none">- Diện tích: 231,2 nghìn km² (chiếm khoảng 60% diện tích Nhật Bản), số dân đông nhất, kinh tế phát triển nhất.- Khí hậu phân hóa theo chiều bắc - nam, đông - tây, có đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh; thường xuyên chịu ảnh hưởng của hoạt động núi lửa và động đất.- Nông nghiệp nổi tiếng với lúa gạo, hoa quả, khai thác và nuôi trồng thủy sản,...- Công nghiệp phát triển mạnh, phân bố chủ yếu ở bờ biển Thái Bình Dương.- Ngành dịch vụ phát triển mạnh nhất Nhật Bản.- Các trung tâm kinh tế lớn là Tô-ky-ô, I-ô-cô-ha-ma, Ca-oa-xa-ki, Ô-xa-ca, Cô-bê, Ky-ô-tô.
Xi-cô-cư	<ul style="list-style-type: none">- Diện tích: 42,2 nghìn km², đóng góp khoảng 10% GDP của Nhật Bản.- Các nông sản chủ yếu là lúa gạo, thuốc lá, cây ăn quả,...- Các ngành công nghiệp tự động và bán dẫn chiếm ưu thế.- Hoạt động thương mại và giao thông vận tải biển phát triển.- Các trung tâm kinh tế chính là Phu-cu-ô-ca và Na-ga-xa-ki.
Kiu-xiu	<ul style="list-style-type: none">- Có đường bờ biển với phong cảnh đẹp, khí hậu cận nhiệt đới, vùng có lịch sử lâu đời, còn lưu giữ nhiều công trình cổ kính, lễ hội truyền thống,...- Ngành công nghiệp có quy mô không lớn, chủ yếu là công nghiệp thực phẩm, hóa chất,... Trung tâm công nghiệp là Cô-chi (Kochi).- Sản xuất nông nghiệp tập trung ở vùng đồng bằng ven biển, với các cây trồng chính là chè, cây ăn quả,...- Các nét đẹp văn hoá truyền thống còn được lưu giữ, thu hút khách du lịch.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ **Nhiệm vụ 1:** Cá nhân: GV chia lớp thành 4 cụm, mỗi cụm HS làm việc cá nhân, xác định các trung tâm công nghiệp, các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp chính trên bản đồ, đọc SGK xác định các đặc trưng cơ bản của từng đảo – vùng kinh tế chính của Nhật Bản.

+ **Nhiệm vụ 2:** Cả lớp: Trình bày những đặc điểm của mỗi đảo lớn.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

+ **Nhiệm vụ 1:** HS làm việc cá nhân 2 phút.

+ **Nhiệm vụ 2:** Cả lớp: chỉ trên bản đồ và các đặc trưng khác của mỗi đảo lớn.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ Gv lần lượt gọi HS lên bảng, chỉ trên bản đồ số liệu đã phóng to phần nhận xét và kết luận của bản thân, cả lớp bổ sung.

+ Gv giúp học sinh rút ra các quy luật chung để dễ nhớ nội dung bài học

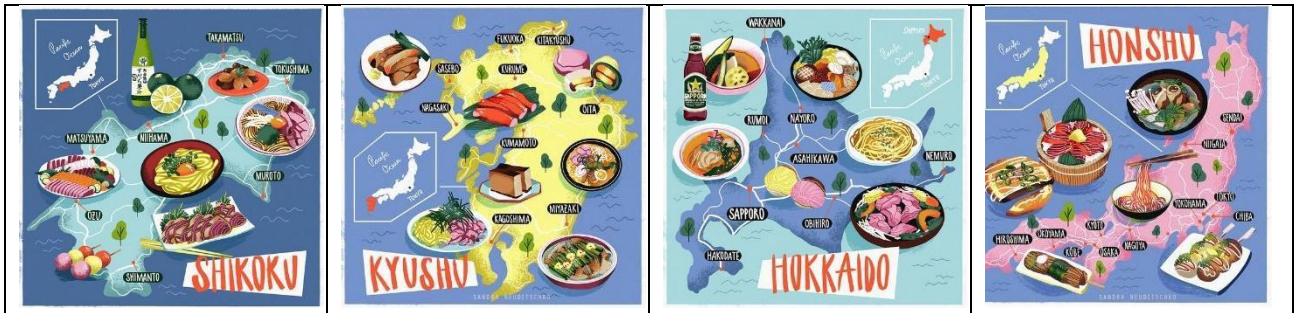
✓ *Càng về phía nam, càng nóng □ có các sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới*

✓ *Dân cư và công nghiệp tập trung nhiều ở phía đông, bờ Thái Bình Dương*

...

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV cho HS xem hình



+ Gv nhận xét, chốt ý, cho điểm các HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ HS ghi bài

Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)

a) *Mục tiêu:* Củng cố nội dung bài học, xác định những nội dung HS chưa nắm vững và có hướng bổ sung.

b) *Nội dung:* HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

c) *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS

d) *Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyên giao nhiệm vụ:** Gv cho Hs chuẩn bị câu trả lời A, B, C, D

CÂU HỎI

Câu 1. Các trung tâm công nghiệp rất lớn của Nhật Bản tập trung nhiều nhất ở đảo nào sau đây?

A. Xi-cô-cu.

B. Hô-cai-đô.

C. Hôn-su.

D. Kiu-xiu.

Câu 2. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho giao thông vận tải đường biển của Nhật Bản phát triển ngày càng mạnh mẽ?

A. Nhu cầu của hoạt động xuất, nhập khẩu.

B. Nhu cầu đi ra nước ngoài của người dân.

C. Vùng biển rộng ở xung quanh đất nước.

D. Đường bờ biển dài, nhiều vịnh biển sâu.

Câu 3. Do nghèo tài nguyên khoáng sản, nên Nhật Bản chú trọng phát triển các ngành công nghiệp đòi hỏi nhiều

A. lao động trình độ phổ thông.

B. tri thức khoa học, kĩ thuật.

C. nguyên, nhiên liệu nhập khẩu.

D. đầu tư vốn của các nước khác.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây **không đúng** với công nghiệp Nhật Bản?

A. Có vị trí cao trên thế giới về sản xuất thiết bị điện tử.

B. Sản xuất mạnh tàu biển, người máy, ô tô, tivi.

C. Có sự phân bố rộng khắp và đồng đều trên lãnh thổ.

D. Có ngành công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây **không đúng** với nông nghiệp Nhật Bản?

A. Nông nghiệp có vai trò chủ yếu trong nền kinh tế.

B. Diện tích đất nông nghiệp ít, chỉ chiếm chưa đầy 14% lãnh thổ.

C. Nông nghiệp thâm canh, chú trọng vào năng suất nông sản.

D. Tỷ trọng của nông nghiệp trong GDP chỉ chiếm khoảng 1 %.

Câu 6. Những năm 1973 - 1974, tốc độ tăng trưởng của nền Kinh tế Nhật Bản giảm xuống nhanh, nguyên nhân là do

A. cạn kiệt tài nguyên khoáng sản.

B. có nhiều động đất, sóng thần.

C. khủng hoảng tài chính thế giới.

D. khủng hoảng dầu mỏ thế giới.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây **không đúng** với đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hôn-su?

A. Rừng bao phủ phần lớn diện tích của vùng.

B. Tập trung các trung tâm công nghiệp rất lớn.

C. Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.

D. Diện tích rộng nhất, dân số đông nhất.

Câu 8. Kinh tế Nhật Bản phát triển nhanh chóng trong những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, **không** phải nhờ vào việc

A. áp dụng các kỹ thuật mới.

B. hiện đại hoá công nghiệp.

C. nhập nhiều nhiên liệu.

D. tăng các nguồn vốn đầu tư.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây **không đúng** với ngành dịch vụ của Nhật Bản năm 2020?

A. Chiếm gần 70% giá trị tổng sản phẩm trong nước.

B. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài ít được coi trọng.

C. Nhật Bản đứng thứ tư thế giới về xuất khẩu.

D. Có thị trường tiêu dùng nội địa rất rộng lớn.

Câu 10. Các trung tâm công nghiệp rất lớn của Nhật Bản phân bố nhiều nhất ở

A. ven Thái Bình Dương.

B. trung tâm các đảo lớn.

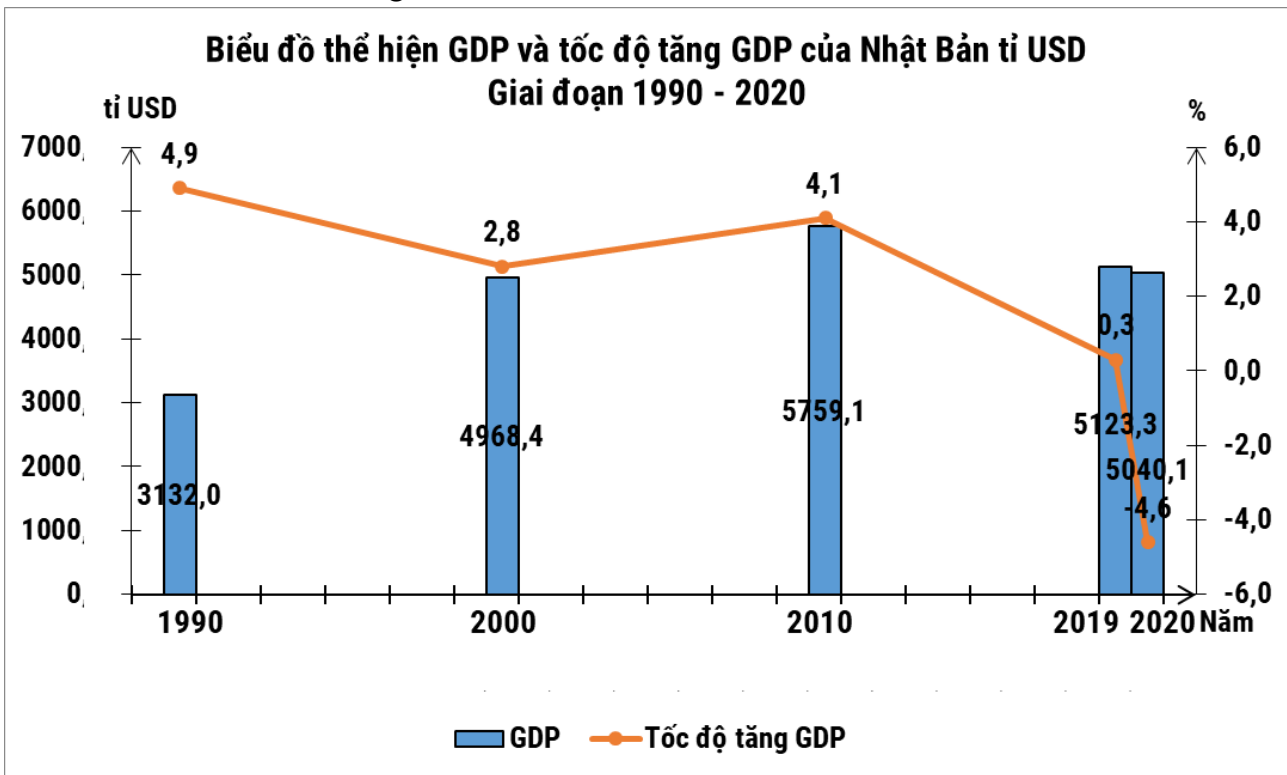
C. ven biển Nhật Bản.

D. ven biển Ô-khốt.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời câu hỏi theo tiến trình
- **Báo cáo, thảo luận:** Thảo luận các câu chưa nắm vững.
- **Kết luận, nhận định:** Tổng kết nội dung bài học.

Phương án 2 – làm phần luyện tập

2. Dựa vào bảng 24.1, hãy vẽ biểu đồ thể hiện GDP và tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990 - 2020. Nêu nhận xét.



* Nhận xét

Giai đoạn 1990 – 2020

- GDP của Nhật Bản tăng không liên tục, tăng từ 3132,0 tỷ USD lên 5040,1 tỷ USD (tăng 1,6 lần).
- + Giai đoạn 1990-2010: tăng
- + Giai đoạn 2010-2020: giảm
- Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản không ổn định, giảm không liên tục từ 4,9% xuống còn -4,6%.
- + Giai đoạn 1990-2000: giảm
- + Giai đoạn 2000-2010: tăng
- + Giai đoạn 2010-2020: giảm, nhất là giai đoạn 2019-2020 giảm nhanh và có tốc độ tăng trưởng kinh tế âm.

Hoạt động 4: Vận dụng (10 phút)

- Mục tiêu:* Hướng dẫn HS tự học, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, rèn luyện năng lực tự chủ, tự học.
- Nội dung:* HS tìm thêm thông tin và viết bài giới thiệu ngắn về một vấn đề địa lí kinh tế Nhật Bản mà em quan tâm (một sản phẩm nông nghiệp hoặc công nghiệp,...).
- Sản phẩm:* bài làm của HS
- Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm: Hãy sưu tầm thông tin và viết một đoạn văn ngắn tìm hiểu về về một vấn đề địa lí kinh tế Nhật Bản mà em quan tâm (một sản phẩm nông nghiệp hoặc công nghiệp,...).
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà tìm hiểu.
- **Báo cáo, thảo luận:** Gv cho HS xung phong trình bày vào thời gian thích hợp.
- **Kết luận, nhận định:** Nhận xét, rút kinh nghiệm, cho điểm

IV. RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

V. PHỤ LỤC

1/ PHT

TRẠM 1– NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Câu 1: Căn cứ vào hình 24.1 và thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê các sản phẩm nông nghiệp sau:

(Lưu ý, nên sắp xếp thứ tự sản phẩm giảm dần theo số lượng kí hiệu)

Đảo Hóc- Cai - đô
Đảo Hôn - su
Đảo Xi- cô- cư
Đảo Kiu - xiu

Câu 2 : Căn cứ vào thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê sau:

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: chiếm tỉ lệ (chỉ khoảng trong cơ cấu GDP và thu hút khoảng lực lượng lao động (năm 2020).

a/ Nông nghiệp

- Sản xuất theo hướng với quy mô nhỏ, áp dụng cho với chất lượng hàng đầu thế giới.
- có vị trí quan trọng, chiếm hơn tổng giá trị sản xuất nông nghiệp (năm 2020). Trình độ cơ giới hoá nông nghiệp rất cao.
- Chăn nuôi, tỷ trọng có xu hướng.....

b/ Lâm nghiệp: được chú trọng phát triển,có vai trò quan trọng đối với việc chống xói mòn đất và bảo vệ môi trường. Rừng trồng chiếm khoảngtổng diện tích rừng.

c/ Thủy sản

- có lịch sử phát triển lâu đời ở Nhật Bản. Ngành khai thác thủy sản đã đạt đến mức công nghiệp hoá và được phát triển ở hầu khắp đất nước.
- Sản lượng thủy sản khai thác năm 2020 là (đứng thứ..... thế giới).
- Đội tàu khai thác thủy sản của Nhật Bản lớnthế giới (năm 2020).
- thủy sản được chú trọng phát triển. Các loài thủy sản được nuôi trồng chủ yếu là






TRẠM 2 – CÔNG NGHIỆP

Câu 1: Căn cứ vào hình 24.2 và thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê sau:

2/ Công nghiệp: chiếm khoảng GDP và thu hút khoảng lao động (năm 2020), tạo ra khối lượng hàng hoá cho đất nước.

- Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng, có nhiều ngành đứng đầu thế giới về kỹ thuật, công nghệ tiên tiến như công nghiệp
- Chỉ trên bản đồ các trung tâm công nghiệp lớn nhất của Nhật Bản: phần lớn các trung tâm công nghiệp nằm hoặc gần các
- Công nghiệp phát triển mạnh và chiếm khoảng giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản. Các sản phẩm nổi bật là
- Công nghiệp đứng hàng đầu thế giới với các sản phẩm điện tử tiêu dùng,
- Hiện nay, Nhật Bản đang đầu tư mạnh vào các ngành

Câu 2 : Nhận diện thương hiệu

				
.....
	

TRẠM 3 – DỊCH VỤ

Căn cứ vào thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê sau:

3. Dịch vụ: đóng góp phần lớn vào GDP (khoảng và thu hút lực lượng lao động của Nhật Bản (năm 2020).

a/ Thương mại

- Nội thương đóng góp khoảng GDP (giai đoạn 2010 - 2020).
- Ngoại thương: Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ đạt hơn tỉ USD.
- Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Nhật Bản là
- Các mặt hàng nhập khẩu chính là
- Các đối tác thương mại chính của

b/ Giao thông vận tải

- Hệ thống giao thông vận tải của Nhật Bản, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và giao thương quốc tế.
- Giao thông được chú trọng phát triển, đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển hành khách và hàng hoá.
- Giao thông vận tải đường bộ với chiều dài mạng lưới hơntriệu km, chiếm hơn khối lượng vận tải hàng hóa trong nước (năm 2020).
- Đường, của Nhật Bản đều phát triển mạnh để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hoá.

c/ Tài chính ngân hàng: Nhật Bản là một trong những quan trọng của thế giới. là trung tâm tài chính lớn nhất của đất nước.

d/ Du lịch

- Hoạt động du lịch phát triển mạnh, đóng góp khoảng.....vào GDP (năm 2019).
- Năm 2019, Nhật Bản thu hút được..... triệu khách du lịch quốc tế (đứng thứ..... thế giới), doanh thu từ khách du lịch quốc tế đạt tỉ USD (đứng thứ 7 thế giới).
- đóng vai trò quan trọng.

PHIẾU PHẢN HỒI

TRẠM 1– NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Câu 1: Căn cứ vào hình 24.1 và thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê các sản phẩm nông nghiệp sau:

(Lưu ý, nên sắp xếp thứ tự sản phẩm giảm dần theo số lượng kí hiệu)

Đảo Hóc- Cai - đô	<u>Nuôi bò, rong biển, cây ăn quả, khai thác thủy sản</u>
Đảo Hôn - su	<u>Lúa gạo, đánh bắt hải sản, nuôi bò, cây ăn quả, chè, lúa mì, chăn nuôi gia cầm, nuôi lợn, khai thác thủy sản.</u>
Đảo Xi- cô- cur	<u>Cây ăn quả, chè, nuôi bò, lúa gạo, khai thác thủy sản, ngọc trai.</u>
Đảo Kiu - xiu	<u>Thuốc lá, chè, cây ăn quả, lúa gạo, khai thác thủy sản, tơ tằm</u>

Câu 2 : Căn cứ vào thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê sau:

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: chiếm tỉ lệ nhỏ (chỉ khoảng 1%) trong cơ cấu GDP và thu hút khoảng 3% lực lượng lao động (năm 2020).

a/ Nông nghiệp

- Sản xuất theo hướng thâm canh với quy mô nhỏ, áp dụng công nghệ tiên tiến, cho năng suất cao với chất lượng hàng đầu thế giới.
- Trồng trọt có vị trí quan trọng, chiếm hơn 60% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp (năm 2020). Trình độ cơ giới hoá nông nghiệp rất cao.
- Chăn nuôi tương đối phát triển, tỷ trọng có xu hướng tăng.

b/ Lâm nghiệp: được chú trọng phát triển, rừng có vai trò quan trọng đối với việc chống xói mòn đất và bảo vệ môi trường. Rừng trồng chiếm khoảng 40% tổng diện tích rừng.

c/ Thủy sản

- Khai thác thủy sản có lịch sử phát triển lâu đời ở Nhật Bản. Ngành khai thác thủy sản đã đạt đến mức công nghiệp hoá và được phát triển ở hầu khắp đất nước.
- Sản lượng thủy sản khai thác năm 2020 là 3,2 triệu tấn (đứng thứ tám thế giới).
- Đội tàu khai thác thủy sản của Nhật Bản lớn hàng đầu thế giới (năm 2020).
- Nuôi trồng thủy sản được chú trọng phát triển. Các loài thủy sản được nuôi trồng chủ yếu là tôm, rong biển, trai lấy ngọc, hào,...






TRẠM 2 – CÔNG NGHIỆP

Câu 1: Căn cứ vào hình 24.2 và thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê sau:

2/ Công nghiệp: chiếm khoảng 29% GDP và thu hút khoảng 27% lao động (năm 2020), tạo ra khối lượng hàng hoá xuất khẩu lớn nhất cho đất nước.

- Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng, có nhiều ngành đứng đầu thế giới về kỹ thuật, công nghệ tiên tiến như công nghiệp chế tạo, công nghiệp điện tử - tin học,...
- Chỉ trên bản đồ các trung tâm công nghiệp lớn nhất của Nhật Bản: Tô-ky-ô, Na-gô-i-a, Ô-xa-ca (đảo Hôn-su), Phu-cu-ô-ca (đảo Kiu-xiu), Xáp-pô-rô (đảo Hô-cai-đô), Cô-chi (đảo Xi-cô-cu),..., phần lớn các trung tâm công nghiệp nằm đọc bờ biển hoặc gần các vinh lớn
- Công nghiệp chế tạo phát triển mạnh và chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản. Các sản phẩm nổi bật là tàu biển, ô tô...
- Công nghiệp điện tử - tin học đứng hàng đầu thế giới với các sản phẩm điện tử tiêu dùng, máy tính, ti vi, chất bán dẫn, rô-bốt ...
- Hiện nay, Nhật Bản đang đầu tư mạnh vào các ngành năng lượng hạt nhân, năng lượng tái tạo; công nghiệp hàng không - vũ trụ; công nghệ sinh học và dược phẩm,...

Câu 2 : Nhận diện thương hiệu

				
<u>Toyota</u>	<u>Honda</u>	<u>Mitsubishi</u> <u>Electric</u>	<u>Suzuki</u>	<u>Canon</u>

TRẠM 3 – DỊCH VỤ

Căn cứ vào thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê sau:

3. Dịch vụ: đóng góp phần lớn vào GDP (khoảng 69,5%) và thu hút 72,9% lực lượng lao động của Nhật Bản (năm 2020).

a/ Thương mại

- Nội thương đóng góp khoảng 13 - 14% GDP (giai đoạn 2010 - 2020).
- Ngoại thương: Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ đạt hơn 1 500 tỉ USD.
- Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Nhật Bản là phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị điện tử, thiết bị y tế, hoá chất, nhựa,...
- Các mặt hàng nhập khẩu chính là năng lượng, nguyên liệu công nghiệp, sản phẩm nông nghiệp,...
- Các đối tác thương mại chính của Nhật Bản là Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, các nước Đông Nam Á, Ô-xtrây-li-a,...

b/ Giao thông vận tải

- Hệ thống giao thông vận tải của Nhật Bản đồng bộ và hiện đại, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và giao thương quốc tế.
- Giao thông đường sắt được chú trọng phát triển, đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển hành khách và hàng hoá.
- Giao thông vận tải đường bộ với chiều dài mạng lưới hơn 1,2 triệu km, chiếm hơn 90% khối lượng vận tải hàng hóa trong nước (năm 2020).
- Đường hàng không, đường biển của Nhật Bản đều phát triển mạnh để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hoá.

c/ Tài chính ngân hàng: Nhật Bản là một trong những trung tâm tài chính quan trọng của thế giới. Tô-ky-ô là trung tâm tài chính lớn nhất của đất nước.

d/ Du lịch

- Hoạt động du lịch phát triển mạnh, đóng góp khoảng 7% vào GDP (năm 2019).
- Năm 2019, Nhật Bản thu hút được 31,8 triệu khách du lịch quốc tế (đứng thứ 12 thế giới), doanh thu từ khách du lịch quốc tế đạt 46,1 tỷ USD (đứng thứ 7 thế giới).
- Du lịch nội địa đóng vai trò quan trọng.

2/ Câu hỏi và bài tập

Câu 1. Ích lợi chủ yếu của việc duy trì các cơ sở sản xuất nhỏ, thủ công ở Nhật Bản **không** phải là

- A. hàng hoá chiếm lĩnh được thị trường “ngách”.
- B. tận dụng được sức lao động của người dân.
- C. sử dụng được các nguồn vốn của người dân.
- D. hỗ trợ các xí nghiệp lớn về nguyên liệu.

Câu 2. Công nghiệp Nhật Bản là ngành

- A. có sản phẩm đơn điệu và hầu như ít thay đổi.
- B. chỉ tập trung sản xuất cho thị trường trong nước.
- C. sử dụng nhiều tài nguyên khoáng sản, lao động.
- D. tập trung vào phát triển các ngành công nghệ cao.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về sự phân bố công nghiệp Nhật Bản?

- A. Ven biển Nhật Bản có các trung tâm rất lớn.

- B. Chủ yếu nằm ở phần lãnh thổ phía Nam.
- C. Các trung tâm lớn phân bố ở đảo Hôn-su.
- D. Phần lớn có vị trí phía Thái Bình Dương.

Câu 4. Diện tích trồng lúa của Nhật Bản ngày càng giảm, **không** phải do

- A. một phần diện tích trồng lúa dành cho quân cư.
- B. mức tiêu thụ lúa gạo trên đầu người giảm.
- C. diện tích dành cho trồng cây khác tăng lên.
- D. khí hậu cận nhiệt và ôn đới ít thích hợp.

Câu 5. Do hoạt động ngoại thương phát triển mạnh, nên Nhật Bản cần phải phát triển mạnh giao thông vận tải đường

- A. ô tô.
- B. hàng không.
- C. biển.
- D. sắt.

Câu 6. Trong các vùng kinh tế của Nhật Bản, có dân số thưa thớt nhất là

- A. Kiu-xiu.
- B. Hôn-su.
- C. Xi-cô-cư.
- D. Hô-cai-đô.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây **không đúng** với ngành hải sản của Nhật Bản ?

- A. Nuôi trồng hải sản được chú trọng phát triển.
- B. Ngư trường ngày hay bị thu hẹp so với trước đây.
- C. Cá thu, cá ngừ, cá tuyết là các sản phẩm chính.
- D. Sản lượng hải sản đánh bắt hàng năm lớn.

Câu 8. Nhật Bản **không** phải là nước đứng vào nhóm hàng đầu thế giới về ngành

- A. viễn thông.
- B. tài chính.
- C. ngân hàng,
- D. thương mại.

Câu 9. Phần lớn các trung tâm công nghiệp của Nhật Bản phân bố ở ven biển phía Thái Bình Dương, chủ yếu là do ở đây có:

- A. đất đai màu mỡ, dân cư đông đúc.
- B. địa hình phẳng, các cảng biển lớn.
- C. nhiều sông ngòi, nguyên liệu dồi dào.
- D. lao động nhiều, vùng biển rộng lớn.

Câu 10. Công nghiệp gỗ, giấy tập trung chủ yếu ở đảo Hô-cai-đô là do chủ yếu ở đây có:

- A. cơ sở hạ tầng phát triển mạnh.
- B. nguồn nguyên liệu phong phú.
- C. nguồn lao động rất dồi dào.
- D. vị trí địa lí nhiều thuận lợi.

Câu 11. Đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Kiuxiu là

- A. phát triển mạnh ngành sản xuất ô tô.
- B. có thành phố lớn là ô-xa-ca và Cô-bê.
- C. Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.
- D. lúa mì, củ cải đường là cây trồng chính.

Câu 12. Nông nghiệp Nhật Bản **không** tập trung phát triển theo hướng

- A. ưu tiên phát triển sản xuất hộ gia đình.
- B. ứng dụng mạnh khoa học hiện đại.
- C. đầu tư cao vào sản xuất thâm canh.
- D. chú trọng năng suất và chất lượng.

Câu 13. Các cảng biển lớn của Nhật Bản tập trung chủ yếu ở

- A. ven biển ô-khôt.
- B. phía nam đảo Kiu-xiu.
- C. ven Thái Bình Dương.
- D. ven biển Nhật Bản.

Câu 14. Cảng biển nào sau đây **không** nằm ở đảo Hôn-su?

A. Na-ga-xa-ki. B. Cô-bê. C. Ôsaka. D. I-ô-cô-ha-
ma.

Câu 15. Đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hôn-su **không** phải là

- A. có dân số đông nhất B. có diện tích rộng nhất.
C. khai thác than lớn nhất. D. Kinh tế phát triển nhất.

Câu 16. Ngành giao thông vận tải biển có vị trí đặc biệt quan trọng ở Nhật Bản, vì đất nước này cần thiết phải trao đổi kinh tế với

- A. các nước trên thế giới. B. các nước phát triển.
C. các nước đang phát triển. D. các nước công nghiệp mới.

Câu 17. Đặc điểm nổi bật về công nghiệp của vùng Kinh tế Hôn-su là

- A. chủ yếu khai thác than đá, quặng sắt.
B. có nhiều trung tâm công nghiệp lớn.
C. phát triển khai thác than và luyện thép.
D. tập trung vào khai thác quặng đồng.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây **không đúng** với nông nghiệp Nhật Bản?

- A. Chú trọng năng suất, chất lượng. B. Phương pháp chăn nuôi tiên tiến.
C. Phát triển theo hướng thâm canh. D. Chiếm tỉ trọng rất lớn trong GDP.

Câu 19. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho giao thông đường biển là ngành không thể thiếu được đối với Nhật Bản?

- A. Hoạt động thương mại phát triển mạnh.
B. Đường bờ biển dài, nhiều vịnh biển sâu.
C. Người dân có nhu cầu du lịch quốc tế.
D. Đất nước quần đảo, có hàng nghìn đảo.

Câu 20. Các trung tâm công nghiệp chính của Nhật Bản phân bố chủ yếu ở ven biển phía nam đảo Hôn-su do ở đây có

- A. có nhiều vịnh biển sâu, kín và sông ngòi dày đặc, nhiều nước.
B. địa hình tương đối phẳng, rộng và có nhiều vịnh biển sâu, kín.
C. địa hình tương đối phẳng, rộng và đường bờ biển dài, nhiều đảo.
D. có nhiều vịnh biển sâu, kín và khí hậu cận nhiệt đới, ít thiên tai.

Câu 21. Vai trò của nông nghiệp trong nền Kinh tế Nhật Bản **không** lớn, vì

- A. nhập khẩu nông sản có nhiều lợi thế hơn sản xuất.
B. Nhật Bản tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp.
C. diện tích đất sản xuất nông nghiệp hiện còn quá ít.
D. Nhật Bản ưu tiên phát triển thương mại, tài chính.

Câu 22. Đặc điểm nổi bật về công nghiệp của vùng kinh tế Xi-cô-cu là:

- A. Có khí hậu cận nhiệt đới, lịch sử lâu đời.
B. tập trung các trung tâm công nghiệp rất lớn.
C. Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.
D. phát triển khai thác than và luyện thép.

Câu 23. Trong các vùng kinh tế của Nhật Bản, có dân số đông nhất ở

- A. Kiu-xiu. B. Hô-cai-đô. C. Hôn-su. D. Xi-cô-cu.

Câu 24. Sản xuất nông nghiệp của Nhật Bản đóng vai trò thứ yếu trong cơ cấu kinh tế chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Diện tích đất nông nghiệp nhỏ. B. nhập khẩu lương thực có lợi hơn.

C. Ưu tiên lao động cho đánh bắt.

D. Người dân ít sử dụng lương thực.

Câu 25. Phát biểu nào sau đây **không đúng** với sản xuất lúa gạo ở Nhật Bản?

A. Là cây trồng chính của nông nghiệp Nhật Bản.

B. Chiếm khoảng **Câu 36%** diện tích đất canh tác.

C. Phân bố rộng nhưng tập trung ở đảo Hôn-su.

D. Sản lượng lúa đứng vào loại hàng đầu thế giới.

Câu 26. Đảo nào sau đây của Nhật Bản có ít nhất các trung tâm công nghiệp?

A. Hô-cai-đô.

B. Xi-cô-cu.

C. Kiu-xiu.

D. Hôn-su.

Câu 27. Các ngành công nghiệp nổi tiếng thế giới của Nhật Bản hiện nay là

A. chế tạo, sản xuất điện tử, chế biến thực phẩm.

B. chế tạo, sản xuất điện tử, luyện kim đen, dệt

C. chế tạo, sản xuất điện tử - tin học, ô tô.

D. chế tạo, sản xuất điện tử, luyện kim màu, dệt.

Câu 28. Ngành công nghiệp mũi nhọn hiện nay của Nhật Bản là sản xuất

A. dệt.

B. rô-bốt.

C. điện tử.

D. xây dựng.

Câu 29. Đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hô-cai-đô là

A. tập trung các trung tâm công nghiệp rất lớn.

B. rừng bao phủ phần lớn diện tích của vùng

C. diện tích rộng nhất, dân số đông nhất.

D. Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.

Câu 30. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho sản lượng đánh bắt hải sản của Nhật Bản có xu hướng giảm?

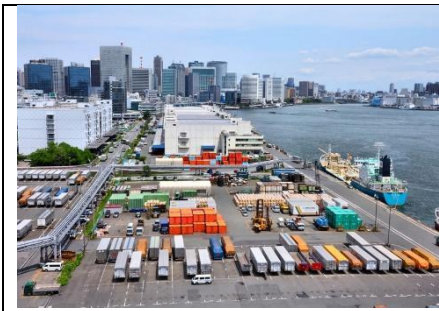
A. Lực lượng đánh bắt ngày càng ít hơn.

B. Phương tiện đánh bắt không đổi mới.

C. Môi trường biển ngày càng bị ô nhiễm.

D. Nguồn lợi hải sản ngày càng bị giảm sút.

3/ Hệ thống tranh ảnh



Cảng Tokyo



Cảng Chiba



Cảng Yokohama



Các cảng được sử dụng làm cảng thương mại vận chuyển hàng hóa đường biển quốc tế



Robot ở Nhật đã phát triển một cách toàn diện và hiện đại hơn hẳn.



Bản đồ du lịch Nhật Bản



Mạng lưới đường sắt của Nhật Bản



Sản xuất ô tô



Kinh tế Nhật Bản



Minakami, Gunma. Nhật Bản nhiều núi, nhiều rừng, lâm nghiệp có vai trò quan trọng trong kinh tế



Đường biển có vai trò quan trọng trong giao thông vận tải của Nhật Bản



Tàu điện hiện đại của Nhật Bản

3/ Các link video...

- https://www.youtube.com/watch?v=5Ghqzh_i2c8 Phim tài liệu: Nông nghiệp Nhật Bản
- <https://hoangviettravel.vn/gioi-thieu-ve-nhat-ban/> 3 Phút Giới Thiệu Về Nhật Bản – Đất Nước Khiến Ai Cũng Khâm Phục
- <https://coccoc.com/search?query=du+l%E1%BB%8Bch++nh%E1%BA%ADt+b%E1%BA%A3n&tbm=vid> Du lịch Nhật Bản - Đất nước kỳ lạ
- <https://www.vntrip.vn/cam-nang/10-diem-den-hap-dan-nhat-ban-77872> 10 địa điểm du lịch Nhật Bản nổi tiếng bậc nhất
- <https://we-xpats.com/vi/guide/as/jp/detail/7981/> Robot Nhật Bản đã phát triển đỉnh cao đến mức nào?

Tiết 55 - Bài 25: **THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO**
VỀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI NHẬT BẢN
(01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Viết được báo cáo truyền đạt những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại.
- Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lý Nhật Bản.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: rèn luyện cho HS làm quen với phương pháp nghiên cứu khoa học

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động nhóm và báo cáo nội dung tìm hiểu.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, tìm logic trong giải quyết vấn đề, đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề liên quan đến kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.

- Năng lực Địa lí:

+ Năng lực tìm hiểu địa lí, giáo viên tạo điều kiện cho học sinh sử dụng các công cụ của địa lí học như: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, sơ đồ, lát cắt, mô hình, khối đồ, bảng số liệu, tranh ảnh,... tìm tòi, khám phá các tri thức địa lí; tăng cường khai thác Internet trong học tập,...

Vẽ và phân tích được biểu đồ kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về địa lí: học sinh được rèn luyện thông qua quá trình cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, tiếp cận với các tình huống thực tiễn,liên quan đến kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.

3. Về phẩm chất

- Nhận thức vận dụng kiến thức, kĩ năng vào học tập và cuộc sống bằng những hành động thiết thực.

- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tìm kiếm, chọn lọc các thông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung, chủ đề nghiên cứu về một ngành công nghiệp em đã chọn:

- Hướng dẫn học sinh khai thác thông tin, kiến thức cần thiết trên Internet; khai thác các kênh hình ảnh, video...

2. Học sinh

-Thu thập tư liệu từ internet, sách, báo, tạp chí,... về các đặc điểm nổi bật trong hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.

- So sánh, chọn lọc tư liệu thu thập được nhằm phục vụ nội dung báo cáo.

- Xây dựng đề cương báo cáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (10 phút)

a) Mục tiêu: Kiểm tra phần học bài của HS ở nhà, dẫn nhập vào bài mới.

b) *Nội dung*: GV gọi HS trình bày về ngành thương mại của Nhật Bản.

c) *Sản phẩm*: Câu trả lời của HS.

d) *Tổ chức thực hiện*:

- **Chuyển giao nhiệm vụ**: GV gọi HS trình bày về ngành thương mại của Nhật Bản.

+ Cho HS xem video “Thâm hụt thương mại của Nhật Bản”

<https://coccoc.com/search?query=th%C6%B0%C6%A1ng+m%E1%BA%A1i+c%E1%BB%A7a+Nh%E1%BA%ADt+b%E1%BA%A3n&tbm=vid>

- **Thực hiện nhiệm vụ**: HS trình bày.

- **Báo cáo, thảo luận**: HS thảo luận vấn đề đặt ra theo hướng dẫn của GV: thâm hụt thương mại là gì?

- **Kết luận, nhận định**: GV tổng hợp và dẫn dắt vào bài mới.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

Nhiệm vụ 1: VIẾT BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

a. *Mục tiêu*: thu thập nguồn tư liệu, viết báo cáo trình bày một số đặc điểm nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.

b. *Nội dung*: HS làm việc nhóm viết báo cáo.

c. *Sản phẩm*: bài báo cáo.

d. *Tổ chức thực hiện*

- **Chuyển giao nhiệm vụ**:

+ Giáo viên Chia lớp thành các nhóm nhỏ, từ 5-6 học sinh.

+ Học sinh đọc phần gợi ý nội dung trong SGK hoặc gợi ý nội dung viết 1 bài báo cáo

Gợi ý nội dung báo cáo:

1. Khái quát về hoạt động kinh tế đối ngoại

2. Một số hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản

a) Xuất nhập khẩu

- Hiện trạng: trị giá xuất khẩu lớn, cán cân xuất nhập khẩu, mặt hàng xuất khẩu, mặt hàng nhập khẩu, đối tác thương mại,...

- Ý nghĩa của hoạt động

b) Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- Hiện trạng: giá trị, các nước nhận đầu tư nhiều,...

- Ý nghĩa của hoạt động

- **Thực hiện nhiệm vụ**:

+ Học sinh trong nhóm hợp công nhiệm vụ, bầu nhóm trưởng, thư ký...

+ Học sinh tiến hành thảo luận, phân công nhiệm vụ

+ Thảo luận về cách thức trình bày...

- **Báo cáo, thảo luận**: Sau thời gian thảo luận giáo viên chọn các nhóm lựa chọn và đăng kí theo biên bản và nộp lại cho GV

NHÓM	NỘI DUNG	NHÓM TRƯỞNG	PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	HÌNH THỨC TRÌNH BÀY

- **Kết luận, nhận định**: Giáo viên tổng hợp và thống nhất các nội dung nhóm đăng ký, các nhóm

nhiệm vụ cho bài báo cáo. GV công bố bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm theo nội dung lựa chọn cho HS (phần phụ lục)

NỘI DUNG: HOÀN THÀNH SẢN PHẨM BÁO CÁO (tiết sau/ thời gian thích hợp) (10 PHÚT)

a. Mục tiêu

- Học sinh làm sản phẩm báo cáo sau khi tìm hiểu một ngành công nghiệp

b. Nội dung

- Bước 1: Tổng hợp các tài liệu, tham khảo thêm tài liệu qua sách vở, mạng internet, cơ quan một ngành công nghiệp

- Bước 2: Phân tích, tổng hợp, nội dung đã tìm hiểu được.

- Bước 3: Viết báo cáo/ làm sản phẩm sáng tạo về một ngành công nghiệp

- Bước 4: Trình bày bài báo cáo/ sản phẩm sáng tạo

c. Sản phẩm

- Bài báo cáo/ sản phẩm sáng tạo

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV phát tiêu chí đánh giá, học sinh làm việc.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc, giáo viên giúp đỡ nhóm gặp khó khăn.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm trình bày nội dung báo cáo.

+ Các nhóm khác có ý kiến bổ sung thông tin bài báo cáo.

+ Châm chéo nhau theo phiếu của GV.

- **Kết luận, nhận định:** Giáo viên nhận xét và đánh giá các nhóm thực hiện nhiệm vụ. Kết hợp phần đánh giá đồng đẳng để cho điểm HS

Hoạt động 3: Luyện tập và vận dụng (7 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố nội dung bài học, xác định những nội dung HS chưa nắm vững và có hướng bổ sung.

b) Nội dung: thảo luận các lỗi thường gặp trong bài báo cáo.

c) Sản phẩm: Các lỗi sai thường gặp và cách khắc phục.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv cho Hs tìm các lỗi thường gặp/ các điểm yếu trong bài báo cáo.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm lỗi sai và cách sửa lỗi sai cho bạn.

- **Báo cáo, thảo luận:** Thảo luận các câu chưa nắm vững.

- **Kết luận, nhận định:** Tổng kết nội dung bài học.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....
.....

V. PHỤ LỤC

1/ Tiêu chí đánh giá

SẢN PHẨM NHÓM – VIẾT BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA NHẬT BẢN

ST T	THÔNG TIN	ĐIỂM				
		1	2	3	4	5
1	Cấu trúc bài khoa học, gồm 3 phần: Mở đầu, nội dung và kết luận					
2	Nêu được thành tựu của ngành, có dẫn chứng phong phú					
3	Nêu được một số hạn chế trong phát triển ngành					
4	Đề xuất ít nhất 3 giải pháp phát triển ngành, có tính khả thi					
5	Nêu được những thế mạnh tự nhiên nổi bật					
6	Nêu được những thế mạnh kinh tế xã hội nổi bật					
7	Có trích nguồn tham khảo ngắn gọn, Có 1-2 hình ảnh nhỏ, minh họa, rõ nét, đặc trưng cho toàn bài, minh chứng phù hợp					
8	Hình thức trình bày phù hợp, logic					
9	Thiết kế sáng tạo, chuyển tải được thông tin phong phú, có chiều sâu và được thể hiện cụ thể đề tài mà nhóm lựa chọn					
10	Trả lời câu hỏi thuyết phục					

3/ Nguồn tài liệu tham khảo

- Ngân hàng Thế giới: <https://www.worldbank.org/en/home>
- Tổng cục Thống kê Nhật Bản: <https://www.stat.go.jp>
- Tổ chức Xúc tiến Thương mại Nhật Bản: <https://www.jetro.go.jp>
- Mạng lưới học thuật người Việt Nam tại Nhật Bản: <https://jst.van.j>

